

# PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM: CÁN ĐIỀU CHỈNH TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP VÀ CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP

Tô Hoài Nam\*

## 1. Nhu cầu điều chỉnh chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đã được Nhà nước Việt Nam coi là một chính sách quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế đất nước. Ngày 23/11/2001, Chính phủ đã ban hành Nghị định 90/2001/NĐ-CP về “Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa” (dưới đây gọi tắt là Nghị định 90). Đây là một khung pháp lý quan trọng, đưa hoạt động hỗ trợ phát triển DNNVV trở thành chính sách mang tầm quốc gia. Qua gần 7 năm thực hiện, Nghị định đã bộc lộ một số điểm không còn phù hợp với hoàn cảnh mới và tính hiệu quả bị hạn chế. Hiện nay, Chính phủ đang giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định 90. Đã có một số cuộc hội thảo, tọa đàm thảo luận xung quanh hai nội dung chính của Nghị định là: (1) quan niệm (định nghĩa) về doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có còn phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay không? và (2) các biện pháp trợ giúp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam nêu tại Nghị định 90 đã đáp ứng được những mong đợi của các DNNVV hay cần phải điều chỉnh?

Trong thời gian qua, ngoài các cuộc hội thảo, tọa đàm giữa các nhà quản lý và giới doanh nhân về các hướng sửa đổi Nghị định, một cuộc điều tra thăm dò ý kiến trong khuôn khổ Dự án MPI-UNIDO “Hỗ trợ thành lập cơ cấu trợ giúp DNNVV cấp quốc gia và cấp tỉnh” (TE/VIE/03/001, TF/VIE/04/001 & TF/VIE/06/002) (Dưới đây gọi tắt là Cuộc điều tra MPI-UNIDO) đã được tiến hành vào tháng 4 năm 2008 (nhằm thu thập các ý kiến khách quan về tính phù hợp của quan niệm về DNNVV, các chính sách trợ giúp DNNVV của Nhà nước cũng như các yếu tố tác động đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp (DN) ở Việt Nam.

Cuộc điều tra được tập trung vào 4 nhóm đối tượng tại Hà Nội, thành phố (TP.) Hồ Chí Minh, Thái Nguyên và một số tỉnh khác, bao gồm: (1) 70 cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước; (2) 10 nhà tài trợ; (3) 200 DNNVV (trong đó có 47 hộ kinh doanh (HKD)); và (4) 20 hiệp hội và hội. Việc điều tra thu thập ý kiến đó được tiến hành thông qua việc gửi

\* Tô Hoài Nam, Thạc sĩ kinh tế, Chuyên gia tư vấn Dự án UNIDO-MPI, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phiếu hỏi chi tiết đến từng đối tượng điều tra.

## 2. Về định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

Nghị định 90 đã đưa ra một định nghĩa chính thức về DNNVV của Việt Nam là: *“Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở sản xuất, kinh doanh độc lập, đã đăng ký kinh doanh theo pháp luật hiện hành, có vốn đăng ký không quá 10 tỷ đồng, hoặc có số lao động trung bình hàng năm không quá 300 người”*<sup>1</sup>. Định nghĩa này được đưa ra dựa trên một trong các thông lệ quốc tế là sử dụng tiêu chí số lượng lao động và mức vốn. Chiều theo định nghĩa này, cả nước có trên 95% doanh nghiệp là DNNVV. Dựa vào định nghĩa này, nhiều cơ quan, tổ chức đã thống kê, phân loại và đánh giá hiệu quả của các DNNVV.

Tuy vậy, việc phân loại DN theo một trong hai tiêu chí quy định tại Nghị định 90: hoặc không quá 300 lao động thường xuyên hoặc không quá 10 tỷ đồng vốn đăng ký, trong nhiều trường hợp, là chưa hợp lý. Bởi vì, có những DN có số lao động vượt xa con số 300 (có trường hợp 500-600 lao động), nhưng vì vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng nên vẫn được coi là DNNVV. Ngược lại, có DN có mức vốn đăng ký hàng trăm tỷ đồng, nhưng số lao động thường xuyên thấp hơn 300 cũng được xếp vào “đội ngũ” DNNVV. Chưa kể đến, số lượng nhiều hay ít lại là phạm trù rất tương đối, vì đối với lĩnh vực sản xuất thì 10 tỷ đồng là ít, nhưng trong một số lĩnh vực dịch vụ thì lại nhiều. Đối với số lượng lao động cũng vậy. Như vậy, việc xếp vào một “rọ” DNNVV mà không tính đến đặc thù lĩnh vực kinh doanh của từng loại DN có lẽ là không hợp lý.

Chính vì lý do trên, định nghĩa của Nghị định 90 được sử dụng trong các nghiên cứu điều tra và tổng kết nhiều hơn là trong xây dựng chính sách hỗ trợ cụ thể cho DNNVV.

Kết quả thăm dò ý kiến của 70 công nhân viên chức từ cuộc điều tra nói trên cho thấy, đa số đề nghị chỉ sử dụng một tiêu chí hoặc lao động hoặc vốn hoặc doanh thu làm tiêu chí phân loại DNNVV<sup>2</sup>. Chỉ một số người đề nghị kết hợp từ 2 tiêu chí trở lên. Đáng lưu ý là tiêu chí vốn đăng ký ít được chọn và chỉ có 22/70 ý kiến, chiếm 31,4% đồng ý với định nghĩa của Nghị định 90 hiện hành. Trong số 20 hiệp hội, hội được hỏi số đề nghị căn cứ vào một tiêu chí hoặc lao động, hoặc vốn hoặc doanh thu làm định nghĩa. Số người lựa chọn định nghĩa liên quan đến tiêu chí lao động chiếm trên 50%, liên quan đến tiêu chí vốn đăng ký chỉ khoảng 50%.

Việc chọn tiêu chí về lao động để định nghĩa như trường hợp của nhiều nước trên thế giới và khu vực là hợp lý cho trường hợp Việt Nam. Trong ba tiêu chí lao động, vốn và doanh thu thì tiêu chí lao động là có thể thống kê được tương đối chính xác. Tiêu chí về vốn đăng ký do doanh nghiệp tự khai thường mang tính chủ quan, không chính xác và khó kiểm soát. Tiêu chí doanh thu thì thường không ổn định, thất thường theo từng năm. Hơn nữa, xét về mặt logic, nếu một doanh nghiệp có số lượng lao động thấp thì, nói chung cũng thường có số vốn ít, và ngược lại. Như vậy, cách định nghĩa DNNVV chỉ sử dụng tiêu chí lao động vừa đơn giản, vừa dễ hiểu và dễ kiểm chứng cho trường hợp Việt Nam trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Một suy nghĩ nữa là chúng ta có nên

dựng một định nghĩa/tiêu chí phân loại DNNVV chung cho mọi lĩnh vực của nền kinh tế, hay xây dựng riêng cho khu vực sản xuất một định nghĩa và khu vực dịch vụ một? Theo tác giả, chúng ta vẫn nên theo cách hiện nay là áp dụng chung cho mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Bởi lẽ, do tính chất kinh doanh đa ngành nghề của tuyệt đại đa số các DN Việt Nam, việc phân chia ra DN thuộc khu vực nào của nền kinh tế là hết sức phức tạp. Thêm vào đó, việc thống kê ngành nghề cụ thể của DN hiện nay còn nhiều khó khăn do thông tin không đầy đủ. Có ý kiến đề nghị phân loại ngành nghề cho DN theo ngành nghề chính của nó (ví dụ, ngành nghề chính là ngành nghề có doanh thu trên 30% trong tổng doanh thu). Tuy nhiên, bóc tách ra được con số này hoàn toàn không dễ, chưa kể doanh thu của DN biến động lên xuống liên tục qua các tháng, các năm.

Ngoài ra, như đã nói ở trên, theo định nghĩa về DNNVV của Nghị định 90, thì con số 300 lao động bình quân thường xuyên đối với một doanh nghiệp sản xuất hay chế biến thì không nhiều, nhưng đối với lĩnh vực dịch vụ, thương mại thì lại là khá lớn. Chính vì vậy theo chúng tôi nên chọn ngưỡng *200 lao động* cho định nghĩa DNNVV mới. Cụ thể là: *“Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở sản xuất, kinh doanh độc lập, đã đăng ký kinh doanh theo pháp luật hiện hành, có số lao động trung bình (hay có hợp đồng lao động dài hạn) hàng năm không quá 200 người”*.

Vấn đề cần bàn tiếp ở đây là có nên có riêng định nghĩa Doanh nghiệp nhỏ cho Việt Nam (như trường hợp của Ấn Độ, Thái Lan, Nhật Bản) hay không? Điều này phụ thuộc vào vấn đề chúng ta có nên xây dựng chính sách ưu tiên, ưu đãi riêng cho khối doanh nghiệp này hay không? Đối với

trường hợp Việt Nam, có lẽ nên xem xét theo khía cạnh về nguồn lực dành cho trợ giúp doanh nghiệp. Sau này, trong một chương trình trợ giúp DNNVV nào đó, nếu nguồn lực tài chính của chương trình đó rất hạn hẹp chỉ đủ dành cho một bộ phận doanh nghiệp, thì bộ phận đó có thể nên là các doanh nghiệp nhỏ. Do vậy, cần một định nghĩa doanh nghiệp nhỏ để “đón lõng” những chương trình loại này.

Từ những lập luận trên, xin đề xuất định nghĩa doanh nghiệp nhỏ như sau: *“Doanh nghiệp nhỏ là cơ sở sản xuất, kinh doanh độc lập, đã đăng ký kinh doanh theo pháp luật hiện hành, có số lao động trung bình hàng năm (hay có hợp đồng lao động dài hạn) không quá 50 người”*.

Định nghĩa này cũng phù hợp với cách phân loại của Ngân hàng Thế giới (WB). Trong các cuộc điều tra về DNNVV tiến hành ở Việt Nam, Phòng DNNVV của WB chia làm 3 nhóm DN: DN siêu nhỏ sử dụng tối đa 10 lao động, DN nhỏ sử dụng tối đa 50 lao động và DN quy mô vừa sử dụng tối đa 300 lao động<sup>3</sup>. Ngoài mục đích sử dụng các định nghĩa “doanh nghiệp nhỏ”, “doanh nghiệp siêu nhỏ” cho mục đích điều tra, phân tích, các định nghĩa này còn được dùng làm căn cứ cho các chương trình trợ giúp cụ thể.

### **3. Về các biện pháp trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Về các biện pháp hỗ trợ DNNVV, Nghị định 90 không quy định các biện pháp trợ giúp theo cách “kinh điển” của các văn bản pháp quy khác, tức là quy định bổ sung các ưu đãi cụ thể về thuế, phí hay trợ cấp, thưởng cho từng trường hợp, từng dự án khuyến khích đầu tư, mà đưa ra các chương

trình hỗ trợ chung. Trên cơ sở các chương trình này, trong từng giai đoạn, Chính phủ thực hiện các biện pháp hỗ trợ cụ thể.

Trong Chương 2 “Chính sách trợ giúp” của Nghị định 90 tập trung sự hỗ trợ của Chính phủ vào 6 nhóm vấn đề: (1) khuyến khích đầu tư; (2) thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa; (3) tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có mặt bằng sản xuất phù hợp; (4) tăng khả năng cạnh tranh của DNNVV; (5) xúc tiến xuất khẩu; và (6) cung cấp thông tin, tư vấn và đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV. Đây là cách tiếp cận tốt được nhiều nước áp dụng. Chỉ có điều, trừ một vài biện pháp cụ thể (như thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa hay kinh phí trợ giúp về đào tạo được bố trí từ ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo), đa số các biện pháp nêu trong các chương trình trợ giúp mang tính “chủ trương, đường hướng”, thiếu tính cụ thể. Do vậy, theo ý kiến của nhiều chuyên gia, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ còn nhiều hạn chế.

Vấn đề gì bức xúc nhất, đáng hỗ trợ nhất đối với DNNVV? Các cuộc điều tra khác nhau và cả Cuộc điều tra do UNIDO tài trợ nói ở trên đây cho thấy DNNVV cần sự trợ giúp ở hầu như tất cả các công đoạn của quá trình kinh doanh, từ hỗ trợ đầu vào, hỗ trợ trong quá trình vận hành đến hỗ trợ đầu ra (thị trường). Còn đối với các hình thức trợ giúp, DNNVV rất cần sự trợ giúp công nghệ, hỗ trợ các dịch vụ phát triển kinh doanh và đặc biệt trợ giúp tài chính.

Trên cơ sở đúc rút kinh nghiệm quốc tế, tổng hợp và cân nhắc các đề nghị của 4 nhóm đối tượng điều tra trong Cuộc điều tra MPI-UNIDO, xin đề xuất bổ sung một số

biện pháp trợ giúp cụ thể cho các DNNVV giúp chúng tồn tại và phát triển. Các biện pháp trợ giúp bổ sung được cân nhắc kỹ không vi phạm những điều kiện của WTO, đây tập trung vào các vấn đề về hỗ trợ chính, hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực cho DNNVV và một vấn đề nữa là quản lý nhà nước trong hoạt động hỗ trợ DNNVV.

*Về hỗ trợ tài chính cho DNNVV*, đây vẫn là vấn đề bức xúc nhất đối với các DNNVV. Từ cuộc điều tra nào cũng cho thấy, đặc biệt là vấn đề vốn đầu tư, bao gồm cả nhu cầu vay lẫn việc đi vay các tổ chức tín dụng. Theo điều tra của MPI-UNIDO, trong số 200 DN và có trả lời thì có đến 58,5% có tiến hành các thủ tục vay ngân hàng nhưng chưa vay được. Lý do giải thích cho việc DN không tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng phần nhiều là do không đủ tài sản thế chấp<sup>5</sup> không đảm bảo các thủ tục ngân hàng yêu cầu. Các giải pháp chính sách hỗ trợ tín dụng đã được đề xuất nhiều nhưng đa số các giải pháp đã không vào cuộc sống. Chẳng hạn, đó là việc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực hiện nay mới chỉ có 9 Quỹ Bảo lãnh tín dụng của 9 tỉnh, thành phố được thành lập trên toàn nước sau 7 năm Nghị định được ban hành (Đó là: Trà Vinh, Yên Bái, Đồng Tháp, Nghệ An, Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Bình Thuận, Bắc Ninh, Hà Giang). Trong đó, chỉ có 3 Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV thực sự đi vào hoạt động, nhưng việc bảo lãnh tín dụng cho DNNVV vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

*Vấn đề trợ giúp khoa học công nghệ* liên quan mật thiết đến khả năng tài chính của DNNVV. Nghị định 90 chỉ nêu một cách chung chung rằng thông qua các chương trình trợ giúp, Chính phủ sẽ tạo điều kiện

cho các DNNVV đổi mới công nghệ, trang thiết bị, máy móc, phát triển sản phẩm mới, hiện đại hoá quản lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, việc tạo điều kiện như thế nào không có chính sách cụ thể và trên thực tế các chương trình trợ giúp DNNVV chưa có liên quan nhiều đến hoạt động phát triển, nghiên cứu về công nghệ để nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh cho các DNNVV. Một minh chứng cho nhận định này là Cuộc điều tra MPI-UNIDO cho thấy có tới 65,8% DN được hỏi không có hoạt động đầu tư liên quan đến việc phát triển khoa học công nghệ. Lý do là các doanh nghiệp thiếu cả vốn đầu tư và cả nhân lực.

Trên thực tế, hiện nay việc hỗ trợ tài chính cho DNNVV mới chỉ dừng lại ở các biện pháp mang tính định hướng nên hiệu quả còn thấp. Vì vậy, đề nghị ban hành một số biện pháp hỗ trợ tài chính “mạnh” và cụ thể, mặc dù trong chừng mực nhất định có thể ít “tính thị trường”. Đó là:

- *Chính phủ thành lập riêng một Quỹ tín dụng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa* cho khu vực DNNVV. Quỹ này có sứ mạng cấp cả tín dụng “thương mại” lẫn tín dụng ưu đãi (bao gồm cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng,...) cho các đối tượng chọn lọc từ khu vực DNNVV. Chức năng và nhiệm vụ của Quỹ này rộng lớn hơn Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV hiện có, vì vậy, khả năng hỗ trợ của Quỹ cho DNNVV lớn hơn đồng thời khả năng phát triển của chính bản thân Quỹ cũng cao hơn. Để hình thành, tồn tại và phát triển, Quỹ tín dụng phát triển DNNVV cần có vai trò quản lý nhà nước của Cục Phát

triển DNNVV - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bởi vì cơ quan này hiện nay đang thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển DNNVV của Chính phủ. Trước mắt Quỹ thành lập ở Trung ương, sau đó sẽ mở dần mạng lưới đến các địa phương trong cả nước.

- Quy định các ngân hàng thương mại nhà nước phải dành một tỷ lệ tín dụng nhất định để cho các DNNVV vay. Việc qui định các ngân hàng thương mại nhà nước phải dành một tỷ lệ tín dụng nhất định dành cho các DNNVV vay là một giải pháp được một số Chính phủ áp dụng (ví dụ, trường hợp Hàn Quốc). Tuy nhiên, việc đưa ra chính xác một tỷ lệ nhất định nào đó đòi hỏi cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng hơn để không trái với Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Các tổ chức tín dụng, đồng thời việc can thiệp này không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại nhà nước.
- Đối với trường hợp đầu tư nghiên cứu khoa học, công nghệ hoặc đầu tư vào các dự án có độ rủi ro cao thì các DNNVV được khấu trừ mọi chi phí nghiên cứu khoa học thực hiện hoặc được thực hiện nhân danh doanh nghiệp đó nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ra khỏi lợi nhuận chịu thuế. Bộ Khoa học và Công nghệ hiện nay đang quản lý Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ lấy từ nguồn tiền chủ yếu từ Ngân sách nhà nước. Do vậy, đề xuất ở đây là Quỹ dành ra một tỷ lệ *hợp lý* nào đó hỗ trợ các hoạt động đầu tư nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ của các DNNVV. Giải pháp này có phần phức tạp, nhưng nếu triển khai được thì DNNVV sẽ

nhận được những hỗ trợ cụ thể và có thể ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nhằm nâng cao khả năng và năng lực cho bản thân các DNNVV.

Đối với việc *hỗ trợ kỹ thuật* nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh cho các DNNVV, các biện pháp hỗ trợ kỹ thuật của Nghị định 90 chủ yếu “*tiềm ẩn*” trong các chương trình xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại của Chính phủ. Các biện pháp hỗ trợ kỹ thuật, nói chung, sẽ thay đổi tùy theo các giai đoạn phát triển. Trong việc nghiên cứu sửa đổi Nghị định 90 này, cần quan tâm đến việc bổ sung một số biện pháp mang tính hành chính nhằm giải quyết các khó khăn đang nổi cộm liên quan đến các vấn đề như mặt bằng kinh doanh, và các dịch vụ phát triển kinh doanh cho DNNVV. Vấn đề đất đai cho DNNVV hiện nay cũng đang thu hút nhiều sự quan tâm như vấn đề vốn cho các DNNVV. Trong Nghị định 90 có qui định “*Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có mặt bằng sản xuất phù hợp; chỉ đạo dành quỹ đất và thực hiện các chính sách khuyến khích để xây dựng các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có mặt bằng xây dựng tập trung cơ sở sản xuất hoặc di dời từ nội thành, nội thị ra, bảo đảm cảnh quan môi trường. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng các chính sách ưu đãi trong việc thuê đất, chuyển nhượng, thế chấp và các quyền khác về sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật*”. Cần bổ sung thêm quy định “*Chính quyền địa phương có trách nhiệm cùng doanh nghiệp nhỏ và vừa thương lượng, thu xếp và giải tỏa để doanh nghiệp có được mặt bằng kinh doanh theo như đã*

*phê duyệt*”. Bởi vì thực tế hiện nay rất nhiều mặt bằng dự án, qui hoạch đất đai đã được phê duyệt cho DNNVV, nhưng việc giải phóng để DN có được mặt bằng sản xuất lại rất chậm trễ, đôi khi khó khăn làm cho DN mất đi cơ hội, thời điểm sản xuất kinh doanh của mình.

Về các vấn đề liên quan đến các hoạt động phát triển kinh doanh, cần quan tâm đến hai vấn đề chính là đấu thầu và phát triển mô hình vườn ươm doanh nghiệp cho các DNNVV. Trong lĩnh vực đấu thầu và mua sắm công hiện nay, các DNNVV luôn bị yếu thế bởi trình độ năng lực và không có đầy đủ thông tin về đấu thầu. Theo khảo sát của MPI-UNIDO, có tới 71,4% số DNNVV được hỏi trả lời rằng họ chưa bao giờ tham gia đấu thầu hay mua sắm công. Vì vậy, cần có qui định cụ thể trong Nghị định về ưu đãi cho các DNNVV trong đấu thầu đối với các hoạt động mua sắm hàng hóa dịch vụ bằng nguồn ngân sách nhà nước như sau: “*Nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ và vừa được xếp vào đối tượng ưu đãi đối với gói thầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ bằng nguồn ngân sách nhà nước*”.

Về vấn đề thành lập vườn ươm doanh nghiệp - mô hình hỗ trợ DNNVV đã đem lại thành công ở nhiều nước, Nghị định 90 cũng đã ghi nhận rằng “*Chính phủ khuyến khích việc thành lập các “vườn ươm doanh nghiệp nhỏ và vừa” để hướng dẫn, đào tạo doanh nhân trong bước đầu thành lập doanh nghiệp*”. Tuy nhiên, việc khuyến khích cụ thể như thế nào thì Nghị định lại chưa đề cập đến. Để cụ thể hóa hơn việc khuyến khích thành lập vườn ươm DN cho các DNNVV thì ngoài những qui định về hỗ trợ thành lập và vận hành các vườn ươm doanh nghiệp, cần qui định trách nhiệm cụ thể của

chính quyền địa phương: *“Chính quyền địa phương cần bố trí ngân sách và mặt bằng để thành lập các vườn ươm doanh nghiệp nhỏ và vừa”*. Có như vậy thì các hoạt động hỗ trợ mới có thể đem đến kết quả cụ thể, hơn là chỉ đưa ra các hỗ trợ mang tính khẩu hiệu, không có tính thực tế.

Về quản lý nhà nước (QLNN), mặc dù Nghị định 90 đã quy định một loạt biện pháp tổ chức quan trọng đặt nền móng hình thành một bộ máy QLNN và trợ giúp DNNVV, nhưng Nghị định chưa quy định đủ cụ thể nội dung của quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Điều này gây khó khăn trong việc xác định nội dung cụ thể quản lý nhà nước trong lĩnh vực xúc tiến doanh nghiệp nhỏ và vừa của từng bộ, ngành, của cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như sự phối hợp giữa các bộ, ngành với nhau và với chính quyền địa phương, giữa các cơ quan nhà nước với các hiệp hội. Do vậy, việc củng cố bộ máy và bổ sung chức năng QLNN cho các cơ quan có liên quan đến việc hỗ trợ phát triển khu vực DNNVV là đặc biệt quan trọng.

Để hỗ trợ một cách thiết thực và hiệu quả cho các DNNVV, kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, Nhà nước cần hình thành một mạng lưới đầu mối các trung tâm hỗ trợ đặt dưới sự quản lý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương và chịu sự chỉ đạo chung của Cơ quan hỗ trợ phát triển DNNVV trung ương. Chính vì vậy, tác giả đề xuất: *“Ủy ban nhân dân của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh), nơi có số lượng lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động, thành lập các Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa làm đầu mối để giúp tỉnh thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trên. Những tỉnh khác giao*

*chức năng, nhiệm vụ đó cho Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.”*

Trên đây là một số ý tưởng mới về quan niệm DNNVV và các đề xuất mà tác giả rút ra từ Cuộc điều tra MPI - UNIDO “Hỗ trợ thành lập cơ cấu trợ giúp DNNVV cấp quốc gia và cấp tỉnh” nhằm đóng góp vào việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 90/2001/NĐ-CP, một cơ sở và khung pháp lý quan trọng cho hoạt động hỗ trợ DNNVV ở Việt Nam.

1. Nghị định 90/2001/NĐ-CP về “Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”
2. Đề xuất định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa:
  - Có 19/70 ý kiến, chiếm 27,1% đề nghị chỉ chọn tiêu chí doanh thu;
  - Có 17/70 ý kiến, chiếm 24,2% đề nghị chỉ chọn tiêu chí lao động;
  - Có 11/70 ý kiến, chiếm 15,7% đề nghị chỉ chọn tiêu chí vốn đăng ký.
3. Xem tài liệu “Đặc điểm môi trường kinh doanh ở Việt Nam: Kết quả điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2005” của CIEM-DOE-ILSSA, tháng 3/2007.
4. Theo kết quả khảo sát của UNIDO vừa tiến hành thì có đến 85,5% các doanh nghiệp được hỏi nói rằng họ sẽ tiến hành vay qua Quỹ bảo lãnh tín dụng nếu quỹ này được thành lập.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo Kết quả điều tra Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Dự án MPI-UNIDO “Hỗ trợ thành lập cơ cấu trợ giúp Doanh nghiệp nhỏ và vừa cấp quốc gia và cấp tỉnh”, tháng 5/2008.
- Nguyễn Đình Tài và Lê Thanh Tú, “Chính sách hỗ trợ tài chính Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Từ kinh nghiệm quốc tế đến thực tiễn Việt Nam”, Tạp chí Tài chính, số 4(522) 2008.
- Nghị định 90/2001/NĐ-CP về “Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”.